

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Ngày 11/10/2023 / As at 11 Oct 2023

1	<b>Tên Công ty Quản lý Quỹ:</b> <i>Fund Management Company:</i>	<b>Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam</b> <i>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd</i>
2	<b>Tên Ngân hàng Giám sát:</b> <i>Supervising bank:</i>	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b> <i>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam</i>
3	<b>Tên Quỹ ETF:</b> <i>Fund name:</i>	<b>Quỹ ETF KIM GROWTH VN30</b> <i>KIM GROWTH VN30 ETF</i>
4	<b>Mã chứng khoán:</b> <i>Code:</i>	<b>FUEKIV30</b> <i>FUEKIV30</i>
5	<b>Ngày lập báo cáo:</b> <i>Reporting date:</i>	<b>12/10/2023</b> <i>12 Oct 2023</i>

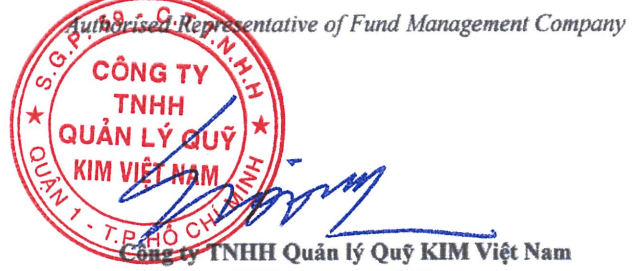
Đơn vị tính/ Currency: VND

STT No	CHỈ TIÊU Criteria	Mã số Code	KỲ NÀY THIS PERIOD 11/10/2023	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 10/10/2023
1	<b>Giá trị tài sản ròng / Net asset value</b>			
1.1	<i>Của quỹ ETF/Per Fund</i>		617.722.740.432	614.033.900.588
1.2	<i>Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate</i>		767.357.441	762.775.031
1.3	<i>Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate</i>		7.673,57	7.627,75

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát



Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ



**Yun Hang Jin**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN